CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM
DN: C=VN, S=LÀO CAI, L=Lào Cai, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5300656602
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.06.20 21:33:14+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
UHY
MSDN: 0102021062
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tháng 06 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Bách Đạt	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 13/05/2026
Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 13/05/2026
Ông Vũ Văn Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 13/05/2026
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 13/05/2026
Ông Đỗ Thành Công	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 13/05/2026
Ông Vương Duyên Hải	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 27/03/2025
Ông Đào Hữu Duy Anh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 13/05/2026
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 13/05/2026
Ông Đặng Tiến Đức	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 13/05/2026
Ông Vương Quốc Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 27/03/2025

Ban Kiểm soát

Ông Phó Đức Tùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 13/05/2026
Bà Phạm Thị Bích	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 13/05/2026
Bà Đặng Thị Kim Thoa	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 13/05/2026
Ông Trần Văn Cương	Thành viên	

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 13/05/2026
Ông Đặng Tiến Đức	Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 13/05/2026
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Giám đốc	

Kế toán trưởng

Bà Phạm Thị Thu Loan	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 13/05/2026
Bà Phạm Thị Bích Phương	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm từ ngày 13/05/2026

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và cho đến ngày 13/05/2026 là ông Đặng Tiến Đức, từ ngày 13/05/2026 đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Tuấn.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc khẳng định rằng, ngoài các sự kiện đã được nêu tại mục 30.4, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Văn Tuấn
Giám đốc
Lào Cai, ngày 20 tháng 06 năm 2026

UHY
Connect to possibility

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Tầng 5, Toà B2, Roman Plaza, Đường Tố Hữu,
Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội
T : +84 24 5678 3999
E : uhy-info@uhy.vn
uhy.vn

Số: 749/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 06 năm 2026, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của Công ty sau ngày kết thúc năm tài chính nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31/12/2025. Các thủ tục kiểm toán thay thế không thể đem lại cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến tính hiện hữu, tính đầy đủ, tính chính xác và tính giá trị của hàng tồn kho tại thời điểm này với giá trị khoảng 67,7 tỷ đồng. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư hàng tồn kho được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025 hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 30.4, tại ngày 17/03/2026, một số nguyên thành viên Ban lãnh đạo chủ chốt của Công ty đã bị khởi tố và đang trong quá trình phục vụ công tác điều tra liên quan đến v. phạm quy định về kế toán.

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, vụ việc vẫn đang trong quá trình điều tra và chưa có kết luận chính thức từ cơ quan có thẩm quyền. Chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá liệu các vấn đề nêu trên có dẫn đến sai sót trọng yếu nào đối với Báo cáo tài chính hay không, bao gồm các ảnh hưởng tiềm tàng liên quan đến việc ghi nhận kế toán, nghĩa vụ phải trả, các khoản dự phòng hoặc chi phí liên quan (nếu có).

Do đó, tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thể xác định được liệu có cần thiết phải thực hiện các điều chỉnh đối với các chỉ tiêu liên quan trên báo cáo tài chính kèm theo hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này theo Báo cáo kiểm toán số HAN 3878 ngà, 19/02/2025.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
UHY
MSDN: 0102021062
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trịnh Thị Trang	**Nguyễn Thị Thu Hà**
Giám đốc kiểm toán	**Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHNKT số: 4061-2022-112-1	Giấy CNĐKHNKT số: 2277-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2026

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.174.127.181.081**	**619.450.520.441**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**31.937.487.053**	**7.285.796.455**
Tiền	111	4	31.937.487.053	7.285.796.455
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	6	**804.674.492.000**	**424.123.068.493**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		804.674.492.000	424.123.068.493
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**264.291.855.104**	**101.859.411.092**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	246.959.249.701	89.658.173.144
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.187.379.052	2.181.620.952
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	15.145.226.351	10.019.616.996
Hàng tồn kho	**140**		**67.711.581.624**	**84.699.844.431**
Hàng tồn kho	141	9	67.711.581.624	84.699.844.431
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5.511.765.300**	**1.482.399.970**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	-	995.790.133
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.710.610.515	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	3.801.154.785	486.609.837
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**270.184.045.390**	**313.167.267.536**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	**2.000.000.000**
Phải thu dài hạn khác	216	8	-	2.000.000.000
Tài sản cố định	**220**		**250.389.182.632**	**287.149.386.223**
Tài sản cố định hữu hình	221	10	250.389.182.632	287.149.386.223
- Nguyên giá	*222*		*573.098.691.337*	*565.042.407.218*
- Giá trị khấu hao lũy kế	*223*		*(322.709.508.705)*	*(277.893.020.995)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**64.036.000**	**2.583.610.047**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	64.036.000	2.583.610.047
Tài sản dài hạn khác	**260**		**19.730.826.758**	**21.434.271.266**
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	19.730.826.758	21.434.271.266
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**1.444.311.226.471**	**932.617.787.977**

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**858.364.772.015**	**363.897.086.209**
Nợ ngắn hạn	**310**		**858.364.772.015**	**363.897.086.209**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	339.929.468.534	189.097.605.148
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.201.556.760
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	9.353.142.886	2.468.090.642
Phải trả người lao động	314		20.575.885.000	14.791.530.380
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		236.997.238	117.464.646
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	250.903.192.632	603.202.803
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	174.741.705.203	84.758.485.633
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	62.624.380.522	69.859.150.197
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**16**	**585.946.454.456**	**568.720.701.768**
Vốn chủ sở hữu	**410**		**585.946.454.456**	**568.720.701.768**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*250.000.000.000*	*250.000.000.000*
Quỹ đầu tư phát triển	418		242.733.123.401	228.779.348.646
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		93.213.331.055	89.941.353.122
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*93.213.331.055*	*89.941.353.122*
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.444.311.226.471**	**932.617.787.977**

Lào Cai, ngày 20 tháng 06 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Tú Quỳnh Nga	Phạm Thị Thu Loan	Nguyễn Văn Tuấn

Mẫu số B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**19**	**1.923.385.798.882**	**1.721.435.530.826**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**1.923.385.798.882**	**1.721.435.530.826**
Giá vốn hàng bán	11	20	1.483.936.378.255	1.358.226.176.340
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**439.449.420.627**	**363.209.354.486**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	47.584.045.226	49.310.500.450
Chi phí tài chính	22	22	14.556.068.938	18.988.125.121
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*3.125.120.930*	*4.308.464.193*
Chi phí bán hàng	25	23	82.151.123.384	98.878.900.321
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	18.160.177.527	15.494.647.867
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**372.166.096.004**	**279.158.181.627**
Thu nhập khác	31		195.324.040	-
Lợi nhuận khác	**40**		**195.324.040**	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**372.361.420.044**	**279.158.181.627**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	29.148.088.989	14.216.828.505
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**343.213.331.055**	**264.941.353.122**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**27**	**12.905**	**10.058**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**28**	**12.905**	**10.058**

Lào Cai, ngày 20 tháng 06 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Tú Quỳnh Nga	Phạm Thị Thu Loan	Nguyễn Văn Tuấn

Mẫu số B03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**		**372.361.420.044**	**279.158.181.627**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		44.816.487.710	47.106.427.938
Lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.938.116.790	(322.395.218)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(23.767.763.942)	(23.285.764.170)
Chi phí lãi vay	06		3.125.120.930	4.308.464.193
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***398.473.381.532***	***306.964.914.370***
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(157.853.292.523)	52.050.152.128
(Tăng) hàng tồn kho	10		16.988.262.807	4.316.062.213
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		155.439.926.668	124.683.646.621
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12		2.699.234.641	2.410.195.361
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.093.047.029)	(3.116.770.554)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(21.177.702.039)	(15.474.045.864)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(20.722.348.042)	(7.878.720.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***370.754.416.016***	***463.955.433.675***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.056.284.119)	(834.981.048)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(805.694.816.000)	(354.123.068.493)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		424.123.068.493	458.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.784.274.665	35.593.849.845
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***(370.843.756.961)***	***138.635.800.304***

Mẫu số B03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		409.641.514.634	541.269.721.009
Tiền trả nợ gốc vay	34		(322.307.985.218)	(773.217.641.444)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(62.500.000.000)	(425.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***24.833.529.416***	***(656.947.920.435)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**24.744.188.471**	**(54.356.686.456)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**4**	**7.285.796.455**	**61.642.004.700**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(92.497.873)	478.211
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4**	**31.937.487.053**	**7.285.796.455**

Lào Cai, ngày 20 tháng 06 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Tú Quỳnh Nga	Phạm Thị Thu Loan	Nguyễn Văn Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09 - DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5300656602 ngày 13 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 09) được cấp ngày 15 tháng 05 năm 2026.

Công ty có trụ sở chính tại KCN Tằng Loỏng, xã Tằng Loỏng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Hiện tại, Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã cổ phiếu: PAT.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần thứ 09, vốn điều lệ của Công ty là 250.000.000.000 VND *(Hai trăm năm mươi tỷ đồng chẵn)*. Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 263 người (tại ngày 31/12/2024 là 256 người).

1.2. LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất hóa chất cơ bản.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm sản xuất, chế biến, kinh doanh phốt pho vàng và các sản phẩm khác có nguồn gốc từ phốt pho vàng và apatit, axit photphoric.

1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường được thực hiện không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

2.3. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

3.4. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ (đối với thành phẩm và nguyên vật liệu sản xuất chính) và phương pháp kê khai thường xuyên (đối với nguyên vật liệu phụ và vật tư xuất dùng để lắp đặt, sửa chữa) để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

3.6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	07 - 17
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước. Chi phí giải phóng mặt bằng liên quan đến đất thuê được phân bổ tương ứng với thời hạn thuê đất.

3.8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

3.9. NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo dược phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12. CHI PHÍ LÃI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá thì hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15. CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư, và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc Năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.16. GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.18. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/ đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

3.19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.20. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các Công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các Công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Tiền mặt	12.534.767	268.272.997
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.924.952.286	7.017.523.458
Cộng	**31.937.487.053**	**7.285.796.455**

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	**-**	**995.790.133**
- Chi phí sửa chữa	-	694.598.313
- Chi phí cước vận chuyển	-	301.191.820
b) Dài hạn	**19.730.826.758**	**21.434.271.266**
- Chi phí giải phóng mặt bằng đất thuê (*)	14.378.621.178	16.006.389.613
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	5.187.523.123	5.427.881.653
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	164.682.457	-
Cộng	**19.730.826.758**	**22.430.061.399**

(*) Bao gồm các khoản chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng đất thuê, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 16 năm phù hợp với thời gian của hợp đồng thuê đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	804.674.492.000	804.674.492.000	424.123.068.493	424.123.068.493
Cộng	**804.674.492.000**	**804.674.492.000**	**424.123.068.493**	**424.123.068.493**

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 04 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 0%/năm đến 6,7%/năm (tại 01/01/2025 là từ 4,4%/năm đến 5,5%/năm).

Tại ngày 31/12/2025, khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng với trị giá 70 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Thành được dùng để làm tài sản đảm bảo cho việc phát hành Thư bảo lãnh cho mục đích đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền điện (tại 01/01/2025: 70 tỷ VND).

Các khoản tiền gửi kỳ hạn 4 – 5 tháng với trị giá 2.564.000 USD tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Thành và khoản tiền gửi kỳ hạn 04 tháng với trị giá 1.100.000 USD tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Thành phố Hà Nội được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các Công ty trong cùng Tập đoàn tại hai Ngân hàng trên (tại 01/01/2025: 0 USD).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- K.S International	122.921.019.405	-	28.806.113.749	-
- ICL Specialty Products Inc	102.355.076.362	-	12.325.114.104	-
- Italmatch Chemicals S.P.A	21.028.492.800	-	41.209.632.000	-
- Yeoufa Chemical Co., Ltd	-	-	6.787.468.800	-
- Các đối tượng khác	654.661.134	-	529.844.491	-
Cộng	**246.959.249.701**	**-**	**89.658.173.144**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	**15.145.226.351**	-	**10.019.616.996**	-
- Lãi dự thu	14.956.493.151	-	9.959.005.263	-
- Khác	188.733.200	-	60.611.733	-
b) Dài hạn	-	-	**2.000.000.000**	-
- Ký quỹ, ký cược	-	-	2.000.000.000	-
Cộng	**15.145.226.351**	-	**12.019.616.996**	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên, vật liệu	22.197.188.522	-	18.754.934.861	-
- Công cụ, dụng cụ	538.000	-	12.731.184	-
- Thành phẩm	45.513.855.102	-	65.932.178.386	-
Cộng	**67.711.581.624**	-	**84.699.844.431**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	**300.295.843.947**	**233.406.454.928**	**30.835.388.724**	**504.719.619**	**565.042.407.218**
- Mua trong năm	-	849.958.000	1.509.259.259	-	2.359.217.259
- XDCBDD hoàn thành	5.246.052.080	451.014.780	-	-	5.697.066.860
31/12/2025	**305.541.896.027**	**234.707.427.708**	**32.344.647.983**	**504.719.619**	**573.098.691.337**
KHẤU HAO LŨY KẾ					
01/01/2025	**(115.383.994.740)**	**(132.952.071.793)**	**(29.226.086.300)**	**(330.868.162)**	**(277.893.020.995)**
- Khấu hao trong năm	(19.324.269.893)	(24.669.261.341)	(775.787.092)	(47.169.384)	(44.816.487.710)
31/12/2025	**(134.708.264.633)**	**(157.621.333.134)**	**(30.001.873.392)**	**(378.037.546)**	**(322.709.508.705)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	**184.911.849.207**	**100.454.383.135**	**1.609.302.424**	**173.851.457**	**287.149.386.223**
31/12/2025	**170.833.631.394**	**77.086.094.574**	**2.342.774.591**	**126.682.073**	**250.389.182.632**

Tại 31/12/2025, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 27.998.301.989 VND (tại 01/01/2025 là 27.998.301.989 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	2.519.574.047	2.519.574.047
- Công trình nhà máy phốt pho đỏ	64.036.000	64.036.000	64.036.000	64.036.000
Cộng	**64.036.000**	**64.036.000**	**2.583.610.047**	**2.583.610.047**

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	313.330.233.132	313.330.233.132	161.592.955.397	161.592.955.397
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng SBM	13.717.361.448	13.717.361.448	11.013.336.180	11.013.336.180
- Các đối tượng khác	12.881.873.954	12.881.873.954	16.491.313.571	16.491.313.571
Cộng	**339.929.468.534**	**339.929.468.534**	**189.097.605.148**	**189.097.605.148**
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan:	**313.842.964.048**	**313.842.964.048**	**162.140.166.506**	**162.140.166.506**

Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	1.085.334.706	15.175.210.870	16.260.545.576	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.279.195.067	1.279.195.067	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	88.627.097.999	88.627.097.999	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.382.755.936	29.148.088.989	21.177.702.039	9.353.142.886
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**2.468.090.642**	**134.232.592.925**	**127.347.540.681**	**9.353.142.886**

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/bù trừ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	486.609.837	11.045.501.939	14.360.046.887	3.801.154.785
Cộng	**486.609.837**	**11.045.501.939**	**14.360.046.887**	**3.801.154.785**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	693.192.632	693.192.632	393.202.803	393.202.803
- Cổ tức phải trả	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-
- Khác	210.000.000	210.000.000	210.000.000	210.000.000
Cộng	**250.903.192.632**	**250.903.192.632**	**603.202.803**	**603.202.803**
Phải trả khác với các bên liên quan:	**169.304.210.000**	**169.304.210.000**	-	-

Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Nội dung	01/01/2025	Trong năm			31/12/2025
	Giá trị	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Giá trị
	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Thành (VND) (1)	71.696.983.058	12.257.604.960	71.696.983.058	-	12.257.604.960
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Thành (USD) (1)	13.061.502.575	234.834.037.099	142.362.766.661	112.398.202	105.645.171.215
- Ngân hành TMCP Quốc tế Việt Nam	-	500.000.000	500.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hoàng Cầu (USD) (2)	-	144.030.554.741	105.253.114.238	42.170.691	38.819.611.194
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành phố Hà Nội (3)	-	18.019.317.834	-	-	18.019.317.834
Cộng	**84.758.485.633**	**409.641.514.634**	**319.812.863.957**	**154.568.893**	**174.741.705.203**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay còn số dư tại 31/12/2025 như sau:

STT	Bên cho vay	Hạn mức tín dụng	Thời hạn trả nợ	Mục đích vay	Lãi suất năm	Tài sản bảo đảm
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Thành	200 tỷ đồng, trong đó gồm VND và ngoại tệ quy đổi	Không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	0,75 - 3,0%	- Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai (công ty mẹ) có giá trị tối đa là 200 tỷ VND; - Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (công ty mẹ gián tiếp) có giá trị tối đa 200 tỷ VND; - Hợp đồng tiền gửi USD có kỳ hạn
2	Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Hoàng Cầu	200 tỷ đồng hoặc USD tương đương	Không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	3,0 - 3,05%	Hợp đồng bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang cho toàn bộ khoản vay phát sinh
3	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Thành phố Hà Nội	300 tỷ đồng hoặc USD tương đương	Không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	0,75%	Hợp đồng tiền gửi USD có kỳ hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	**250.000.000.000**	**209.414.785.539**	**60.591.664.584**	**520.006.450.123**
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	264.941.353.122	264.941.353.122
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	19.364.563.107	235.591.664.584	216.227.101.477
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	*19.364.563.107*	*19.364.563.107*	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	*16.227.101.477*	*16.227.101.477*
+ Chia cổ tức năm 2023	-	-	*25.000.000.000*	*25.000.000.000*
+ Tạm trích cổ tức năm 2024	-	-	*175.000.000.000*	*175.000.000.000*
31/12/2024	**250.000.000.000**	**228.779.348.646**	**89.941.353.122**	**568.720.701.768**
01/01/2025	**250.000.000.000**	**228.779.348.646**	**89.941.353.122**	**568.720.701.768**
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	343.213.331.055	343.213.331.055
- Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	13.953.774.755	339.941.353.122	325.987.578.367
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	*13.953.774.755*	*13.953.774.755*	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	*13.487.578.367*	*13.487.578.367*
+ Chia cổ tức năm 2024	-	-	*62.500.000.000*	*62.500.000.000*
+ Tạm trích cổ tức năm 2025	-	-	*250.000.000.000*	*250.000.000.000*
31/12/2025	**250.000.000.000**	**242.733.123.401**	**93.213.331.055**	**585.946.454.456**

(*) Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 thông qua việc trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/03/2025. Đồng thời, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.2. CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	127.504.220.000	51,00%	127.504.220.000	51,00%
- Ông Đào Hữu Duy Anh	22.583.330.000	9,03%	22.583.330.000	9,03%
- Ông Đào Hữu Huyền	19.216.660.000	7,69%	19.216.660.000	7,69%
- Các cổ đông khác	80.695.790.000	32,28%	80.695.790.000	32,28%
Cộng	**250.000.000.000**	**100,00%**	**250.000.000.000**	**100,00%**

16.3. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	250.000.000.000	250.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	250.000.000.000	250.000.000.000
- **Cổ tức, lợi nhuận đã chia**	**312.500.000.000**	**200.000.000.000**

16.4. CỔ PHIẾU

	31/12/2025 CP	01/01/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.000.000	25.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*25.000.000*	*25.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*25.000.000*	*25.000.000*
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	**69.859.150.197**	**61.510.769.320**
- Trích quỹ trong năm	13.487.578.367	16.227.101.477
- Sử dụng trong năm	20.722.348.042	7.878.720.600
Số dư cuối năm	**62.624.380.522**	**69.859.150.197**

18. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ

	31/12/2025	01/01/2025
- Đô la Mỹ (USD)	1.054.098,56	10.568,15
- Euro (EUR)	61,35	72,26

19. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Doanh thu bán thành phẩm	1.855.382.926.040	1.633.058.959.907
- Doanh thu bán hàng hóa	68.002.872.842	88.376.570.919
Cộng	**1.923.385.798.882**	**1.721.435.530.826**

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.421.381.969.441	1.270.590.991.227
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	62.554.408.814	87.635.185.113
Cộng	**1.483.936.378.255**	**1.358.226.176.340**

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	23.781.762.553	23.296.929.085
- Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính	-	322.395.218
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	23.802.282.673	25.691.176.147
Cộng	**47.584.045.226**	**49.310.500.450**

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	9.492.831.218	14.679.660.928
- Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính	1.938.116.790	-
- Chi phí lãi vay	3.125.120.930	4.308.464.193
Cộng	**14.556.068.938**	**18.988.125.121**

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí hoa hồng	6.437.935.680	23.991.015.208
- Chi phí vận chuyển	66.866.270.218	67.712.599.838
- Chi phí bằng tiền khác	8.846.917.486	7.175.285.275
Cộng	**82.151.123.384**	**98.878.900.321**

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	11.307.366.425	10.359.716.543
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.365.633.908	2.365.633.908
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.311.461.493	2.458.587.667
- Chi phí bằng tiền khác	2.175.715.701	310.709.749
Cộng	**18.160.177.527**	**15.494.647.867**

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nhân công	93.466.863.994	78.001.069.231
- Chi phí nguyên, vật liệu	852.215.903.813	757.174.670.195
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.816.487.710	47.106.427.938
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	501.862.549.619	491.656.831.873
- Chi phí bằng tiền khác	8.913.141.932	7.442.344.567
Cộng	**1.501.274.947.068**	**1.381.381.343.804**

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**372.361.420.044**	**279.158.181.627**
Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.816.290.964	1.232.582.225
- Chi phí không hợp lý khác	4.816.290.964	1.232.582.225
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	**377.177.711.008**	**280.390.763.852**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	**75.435.542.202**	**56.078.152.770**
Thuế được ưu đãi, miễn hoặc giảm (*)	(53.082.399.316)	(41.861.324.265)
Thuế TNDN tính bổ sung cho các năm trước (**)	6.794.946.103	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**29.148.088.989**	**14.216.828.505**

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP)

(*) Dự án sản xuất phốt pho vàng của Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2018 đến năm 2032), được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2018 đến năm 2021) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (kể từ năm 2022 đến năm 2030).

(**) Trong năm, Công ty đã ghi nhận bổ sung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với số tiền 6.794.946.103 đồng liên quan đến nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp của những năm trước.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	343.213.331.055	264.941.353.122
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	20.592.799.863	13.487.578.367
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (**)	**12.905**	**10.058**

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2025 được tạm trích theo tỷ lệ trích của năm 2024.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2024 đã được điều chỉnh do Công ty đã thực hiện trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025.

28. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

29.1. BÁO CÁO BỘ PHẬN CHÍNH YẾU (THEO LĨNH VỰC KINH DOANH)

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, doanh thu từ bán thành phẩm (chủ yếu là phốt pho vàng) chiếm 96,5% tổng doanh thu của Công ty (năm 2024: 94,8%). Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

29.2. BÁO CÁO BỘ PHẬN THỨ YẾU (THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ)

Năm 2025	Trong nước VND	Ngoài nước VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	185.052.133.613	1.738.333.665.269	1.923.385.798.882
Tổng tài sản bộ phận cuối năm (không phân bổ)	(*)	(*)	1.444.311.226.471
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (không phân bổ)	(*)	(*)	8.056.284.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

29.2. BÁO CÁO BỘ PHẬN THỨ YẾU (THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ) (TIẾP)

Năm 2024	Trong nước VND	Ngoài nước VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	348.690.985.718	1.372.744.545.108	1.721.435.530.826
Tổng tài sản bộ phận cuối năm (không phân bổ)	(*)	(*)	932.617.787.977
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (không phân bổ)	(*)	(*)	834.981.048

(*) Công ty không trình bày tài sản và nợ phải trả trên báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý bởi Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam và không theo dõi tài sản và nợ phải trả theo vị trí của khách hàng.

30. THÔNG TIN KHÁC

30.1. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan là cá nhân

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên thân cận trong gia đình chức trách chủ chốt được xác định là bên liên quan của Công ty.

Bên liên quan là tổ chức

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, danh sách các bên liên quan tổ chức của Công ty như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	Công ty mẹ cao nhất
2	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Công ty mẹ
3	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ	Công ty con trong cùng Tập đoàn
4	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	Công ty con trong cùng Tập đoàn
5	Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang	Công ty con trong cùng Tập đoàn
6	Công ty TNHH MTV Bất động sản Đức Giang	Công ty con trong cùng Tập đoàn
7	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắk Nông	Công ty con trong cùng Tập đoàn
8	Công ty Cổ phần Ắc quy Tia Sáng	Công ty con trong cùng Tập đoàn
9	Công ty TNHH Văn Minh	Chung sự kiểm soát của Chủ tịch Công ty

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	**313.842.964.048**	**162.140.166.506**
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	512.730.916	460.268.509
- Công ty TNHH Văn Minh	-	86.942.600
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	313.330.233.132	161.592.955.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.1. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan (tiếp)

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả cổ tức	**169.304.210.000**	-
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	127.504.220.000	-
- Ông Đào Hữu Huyền	22.583.330.000	-
- Ông Đào Hữu Duy Anh	19.216.660.000	-

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	**167.770.168.906**	**315.537.420.511**
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	752.462.000	1.245.151.200
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	163.724.373.406	313.003.697.821
- Công ty TNHH Văn Minh	19.220.000	-
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắk Nông	3.274.113.500	1.288.571.490
Mua hàng hóa, dịch vụ	**756.058.348.642**	**539.301.923.577**
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	5.991.919.593	5.312.201.638
- Công ty TNHH Văn Minh	203.695.117	362.695.605
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	749.862.733.932	533.621.926.334
- Công ty Cổ phần Ắc quy Tia Sáng	-	5.100.000
Chia cổ tức	**211.630.262.500**	**135.443.368.000**
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	159.380.275.000	102.003.376.000
- Ông Đào Hữu Huyền	24.020.825.000	15.373.328.000
- Ông Đào Hữu Duy Anh	28.229.162.500	18.066.664.000
Thanh toán cổ tức	**42.326.052.500**	**287.817.157.000**
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	31.876.055.000	216.757.174.000
- Ông Đào Hữu Huyền	4.804.165.000	32.668.322.000
- Ông Đào Hữu Duy Anh	5.645.832.500	38.391.661.000

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.1. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của các nhân sự quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Đào Hữu Duy Anh	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Đặng Tiến Đức	Thành viên HĐQT/Giám đốc	2.480.863.275	2.132.935.230
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Vương Quốc Hùng	Thành viên HĐQT *(đến ngày 27/03/2025)*	21.000.000	84.000.000
Ông Vương Duyên Hải	Thành viên HĐQT *(từ ngày 27/03/2025)*	63.000.000	-
Bà Phạm Thị Bích Phương	Kế toán trưởng	735.017.731	920.573.678
Bà Phạm Thị Bích	Trưởng Ban Kiểm soát	72.000.000	72.000.000
Ông Trần Văn Cương	Thành viên Ban Kiểm soát	505.750.561	448.373.294
Ông Phó Đức Tùng	Thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000	48.000.000

30.2. NỢ TIỀM TÀNG

Nghĩa vụ hoàn nguyên các khu đất thuê

Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện việc xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Các hợp đồng thuê đất này không có quy định về nghĩa vụ cần hoàn nguyên khu đất thuê. Theo đó, Ban Giám đốc của Công ty đánh giá là Công ty có thể có các nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Công ty ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu tại cuối thời hạn thuê đất, và nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, ví dụ như các trao đổi bổ sung với bên cho thuê đất hay khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không có điều khoản hoàn nguyên. Do đó, Công ty không ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

30.3. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động phản ánh số tiền thuê đất của Công ty. Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
- Dưới 1 năm	54.974.172	-
- Từ 1 đến 5 năm	1.782.224.374	767.570.379
- Từ 5 năm trở lên	1.924.199.508	3.450.809.825
Cộng	**3.761.398.055**	**4.218.380.204**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 17/03/2026, Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang ("Tập đoàn") công bố việc cơ quan chức năng khởi tố vụ án liên quan đến vi phạm quy định về kế toán xảy ra tại Tập đoàn và các đơn vị liên quan. Theo đó, một số nguyên lãnh đạo chủ chốt của Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam (bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Kế toán trưởng) đã bị khởi tố và đang trong quá trình phục vụ công tác điều tra.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, do vụ việc đang trong quá trình điều tra và chưa có kết luận chính thức từ cơ quan có thẩm quyền, Ban Giám đốc chưa có đủ cơ sở và thông tin cần thiết để đánh giá một cách đáng tin cậy các ảnh hưởng tài chính có thể phát sinh từ sự kiện nêu trên. Công ty sẽ tiếp tục theo dõi và cập nhật khi có thông tin chính thức, đồng thời xem xét ghi nhận hoặc thuyết minh bổ sung (nếu cần thiết) theo quy định hiện hành.

30.5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán khác.

Lào Cai, ngày 20 tháng 06 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Tú Quỳnh Nga	Phạm Thị Thu Loan	Nguyễn Văn Tuấn